

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PVI
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 02 năm 2015
(ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 20

Số: 0058 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

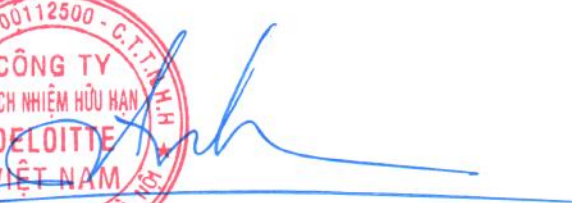
Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 02 năm 2015 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 11 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 20. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.


Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 02 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 11 tháng 8 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-CTQ
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		56.143.357.381
I. Tiền	110	4	3.829.038.563
1. Tiền	111		3.829.038.563
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	51.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		51.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.202.793.443
1. Trả trước cho người bán	132		88.749.000
2. Các khoản phải thu khác	135	6	1.114.044.443
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		111.525.375
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		89.858.032
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		21.667.343
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		6.276.612.430
I. Tài sản cố định	220		323.068.493
1. Tài sản cố định vô hình	227	7	323.068.493
- Nguyên giá	228		330.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.931.507)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8	5.900.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		5.900.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		53.543.937
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		33.543.937
2. Tài sản dài hạn khác	268		20.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		62.419.969.811

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-CTQ
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		12.081.925.530
I. Nợ ngắn hạn	310		12.081.925.530
1. Phải trả người bán	312		278.230.120
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	162.386.648
3. Phải trả người lao động	315		1.448.943.695
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10	755.725.066
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328	11	9.436.640.001
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	12	50.338.044.281
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		338.044.281
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		62.419.969.811

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-CTQ
Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	40		373.635.375.974
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	41		373.635.375.974
9.1.1. Cổ phiếu			292.281.962.446
9.1.2. Trái phiếu			60.626.788.672
9.1.3. Danh mục đầu tư khác			20.726.624.856



Trần Tùng Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Hoàng Văn Kiên
Kế toán trưởng

Dương Thị Thu Thủy
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 02 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B02a-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 03/02/2015 đến ngày 30/6/2015
1. Doanh thu	01	13	4.350.537.068
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	13	4.350.537.068
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	14	1.913.843.355
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.436.693.713
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	1.192.812.770
7. Chi phí tài chính	22		7.354.750
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.154.026.168
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		468.125.565
10. Thu nhập khác	31		-
11. Chi phí khác	32		-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		468.125.565
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	130.081.284
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		338.044.281
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	68



Trần Tùng Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Hoàng Văn Kiên
Kế toán trưởng

Dương Thị Thu Thủy
Người lập

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 02 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃ SỐ B03a-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 03/02/2015 đến ngày 30/6/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		13.787.177.069
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(523.694.261)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.608.688.328)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		51.064.974
5. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(1.055.589.218)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.650.270.236
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(58.500.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.500.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.900.000.000)
4. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27		78.768.327
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(56.821.231.673)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		50.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		50.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		3.829.038.563
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		3.829.038.563



Trần Tùng Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Hoàng Văn Kiên
Kế toán trưởng

Dương Thị Thu Thủy
Người lập

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 02 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃ SỐ 05-CTQ
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số tăng giảm trong kỳ			Số dư cuối kỳ	
	Thuyết minh	Cho kỳ hoạt động từ ngày 03/02/2015 đến ngày 30/6/2015			
		Số dư đầu kỳ	Tăng		Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12	-	338.044.281	-	338.044.281
Cộng		-	50.338.044.281	-	50.338.044.281


 Trần Tùng Linh
 Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2015



Hoàng Văn Kiên
 Kế toán trưởng



Dương Thị Thu Thủy
 Người lập

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI (“Công ty” hoặc “PVI AM”) là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 55/GP-UBCK ngày 03 tháng 02 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 27 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 02 năm 2015 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, đầu tư tài chính dài hạn, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành.

Tăng/(giảm) số dư tài khoản dự phòng giảm giá được hạch toán vào chi phí tài chính của Công ty trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động kinh doanh bao gồm doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tài sản từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá thị trường. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư trên Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán .

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>30/6/2015</u> VND
Tiền mặt	15.853.798
Tiền gửi ngân hàng	3.813.184.765
	<u><u>3.829.038.563</u></u>

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2015</u> VND
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.114.044.443
	<u><u>1.114.044.443</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 03/02/2015	-	-
Mua trong kỳ	330.000.000	330.000.000
Tại ngày 30/6/2015	330.000.000	330.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 03/02/2015	-	-
Khấu hao trong kỳ	6.931.507	6.931.507
Tại ngày 30/6/2015	6.931.507	6.931.507
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 30/6/2015	323.068.493	323.068.493
Tại ngày 03/02/2015	-	-

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư tài chính dài hạn phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Việt Nam Xanh (“VNX”).

VNX được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106877873 ngày 12 tháng 6 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. VNX mới thành lập và chưa đi vào hoạt động chính thức, chủ yếu là hoàn thiện bộ máy tổ chức. Theo đó, Tổng Giám đốc đánh giá khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng hoá	-	21.153.000	11.506.909	9.646.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	130.081.284	-	130.081.284
Thuế thu nhập cá nhân	-	95.337.344	72.678.071	22.659.273
	-	246.571.628	84.184.980	162.386.648

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015
	VND
Kinh phí công đoàn	29.292.950
Bảo hiểm xã hội	28.793.700
Bảo hiểm y tế	4.983.525
Bảo hiểm thất nghiệp	2.214.891
Phải trả tiền mua phần mềm cho Công ty Cổ phần PVI	330.000.000
Phải trả, phải nộp khác	360.440.000
	755.725.066

11. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh khoản phí dịch vụ nhận trước từ khách hàng đối với dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 03/02/2015	-	-	-
Góp vốn trong kỳ	50.000.000.000		50.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	338.044.281	338.044.281
Tại ngày 30/6/2015	50.000.000.000	338.044.281	50.338.044.281

Vốn điều lệ

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 55/GP-UBCK ngày 03 tháng 02 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy phép thành lập		Vốn đã góp	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần PVI	17.500.000.000	35	17.500.000.000	35
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	15.000.000.000	30	15.000.000.000	30
Ông Trần Tùng Linh	500.000.000	1	500.000.000	1
Cổ đông khác	17.000.000.000	34	17.000.000.000	34
	50.000.000.000	100	50.000.000.000	100

Thông tin về cổ phiếu phổ thông:

- Số cổ phiếu được phép lưu hành: 5.000.000 cổ phiếu;
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đủ: 5.000.000 cổ phiếu;
- Số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành: 5.000.000 cổ phiếu;
- Mệnh giá của cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. DOANH THU

Từ ngày 03/02/2015
đến ngày 30/6/2015
VND

Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	1.537.365.026
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	2.813.172.042
Tổng doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ	4.350.537.068
Các khoản giảm trừ doanh thu	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	4.350.537.068

14. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Từ ngày 03/02/2015
đến ngày 30/6/2015
VND

Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	676.301.752
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	1.237.541.603
	1.913.843.355

15. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Từ ngày 03/02/2015
đến ngày 30/6/2015
VND

Chi phí nguyên vật liệu	22.519.041
Chi phí nhân công	3.710.357.768
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.931.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	304.415.163
Chi phí bằng tiền khác	1.023.646.044
	5.067.869.523

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Từ ngày 03/02/2015
đến ngày 30/6/2015
VND

Lãi tiền gửi	1.192.812.770
	1.192.812.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 03/02/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>
	VND
Lợi nhuận trước thuế	468.125.565
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	123.153.000
- Hưu trí tự nguyện	102.000.000
- Thuế GTGT đầu ra hàng hóa dùng làm quà tặng	21.153.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-
Thu nhập chịu thuế	591.278.565
Thuế suất thông thường	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	130.081.284

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Từ ngày 03/02/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>
	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	338.044.281
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	338.044.281
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.000.000
Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	68

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2015</u>
	VND
Các khoản vay	-
Trừ: Tiền	3.829.038.563
Nợ thuần	-
Vốn chủ sở hữu	50.338.044.281
Tỉ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>30/6/2015</u>
	<u>VND</u>
Tài sản tài chính	
Tiền	3.829.038.563
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.114.044.443
Đầu tư tài chính ngắn hạn	51.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	5.900.000.000
Tài sản tài chính khác	20.000.000
	<u>61.863.083.006</u>
Công nợ tài chính	
Phải trả người bán	278.230.120
Các khoản phải trả, phải nộp khác	690.440.000
	<u>968.670.120</u>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu nhiều rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong kỳ, Công ty không thực hiện giao dịch có gốc ngoại tệ. Vì vậy, Công ty không chịu rủi ro tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Trong kỳ, Công ty không thực hiện các giao dịch vay và cho vay, vì vậy, Công ty không chịu rủi ro về lãi suất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá công cụ vốn

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Việt Nam Xanh (“VNX”). Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt quyết định đầu tư vào VNX. Khoản đầu tư vào VNX không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Khoản đầu tư vào VNX được nắm giữ trong dài hạn và sẽ chuyển nhượng khi có điều kiện thuận lợi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty chịu rủi ro tín dụng ở mức thấp do các khoản phải thu chủ yếu là khoản ước tính lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
30/6/2015			
Tiền	3.829.038.563	-	3.829.038.563
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.114.044.443	-	1.114.044.443
Đầu tư tài chính ngắn hạn	51.000.000.000	-	51.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	5.900.000.000	5.900.000.000
Tài sản tài chính khác	-	20.000.000	20.000.000
Tổng cộng	55.943.083.006	5.920.000.000	61.863.083.006
30/6/2015			
Phải trả người bán	278.230.120	-	278.230.120
Các khoản phải trả, phải nộp khác	690.440.000	-	690.440.000
Tổng cộng	968.670.120	-	968.670.120
Chênh lệch thanh khoản thuần	54.974.412.886	5.920.000.000	60.894.412.886

Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần PVI	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phát triển Việt Nam Xanh	PVI AM là cổ đông sáng lập
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Khắc Dũng	Ủy viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015)
Ông Trần Tùng Linh	Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lâm Nhật Sơn	Ủy viên Hội đồng Quản trị
Ông Phan Trương Thái	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Từ ngày 03/02/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u> VND
Nhận góp vốn điều lệ	
Công ty Cổ phần PVI	17.500.000.000
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	15.000.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Minh	550.000.000
Ông Phạm Khắc Dũng	500.000.000
Ông Trần Tùng Linh	500.000.000
Ông Lâm Nhật Sơn	5.375.000.000
Ông Phan Trương Thái	5.375.000.000
Đầu tư dài hạn khác	
Công ty Cổ phần Phát triển Việt Nam Xanh	5.900.000.000
Mua tài sản cố định vô hình	
Công ty Cổ phần PVI	330.000.000
Doanh thu	
Công ty Cổ phần PVI	1.604.137.497
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	2.663.066.238
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	83.333.333
Thu nhập của Tổng Giám đốc	231.319.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>30/6/2015</u>
	VND
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	
Công ty Cổ phần PVI	2.727.033.752
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	6.342.939.582
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	366.666.667
Phải trả	
Công ty Cổ phần PVI	330.000.000
Đầu tư dài hạn khác	
Công ty Cổ phần Phát triển Việt Nam Xanh	5.900.000.000

21. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 03 tháng 02 năm 2015 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, do đó, báo cáo tài chính này không có số liệu so sánh.



Trần Tùng Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Hoàng Văn Kiên
Kế toán trưởng

Dương Thị Thu Thủy
Người lập
